

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG ANA  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 16 tháng 04 năm 2024  
“V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đình Tuyên.

***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Ông Vũ Kim Quy;

2. Ông Phạm Thế Chiến.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phương Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29/3/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994.

HKTT: Thôn F, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Tạm trú tại: Số A N, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Võ Thanh T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: số A T, tổ dân phố B, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/9/2023 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:* Chị đăng kết hôn với anh Võ Thanh T vào ngày 10/8/2017 tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên

không có tiếng nói chung, tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể khắc phục được. Nay chị H xét thấy không còn tình cảm với anh T nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho cho chị ly hôn anh Võ Thanh T.

Về con chung: Chị và anh Võ Thanh T có hai con chung là Võ Tuệ N, sinh ngày 13/6/2017 và cháu Võ Tuấn K, sinh ngày 07/7/2018. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Võ Tuấn K, giao con chung Võ Tuệ N cho anh T nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Võ Thanh T đã được thông báo và triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.*

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Krông Ana phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”.

Bị đơn cư trú tại huyện K nên Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, bị đơn anh Võ Thanh T là đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ của đương sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, xử cho ly hôn giữa chị H và anh T.

Về con chung: Chị và anh Võ Thanh T có hai con chung là Võ Tuệ N, sinh ngày 13/6/2017 và cháu Võ Tuấn K, sinh ngày 07/7/2018. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Võ Tuấn K, giao con chung Võ Tuệ N cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự không có nợ ai nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện xin ly hôn và nuôi con với bị đơn anh Võ Thanh T. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”. Bị đơn anh Võ Thanh T có địa chỉ cư trú tại tổ dân phố B, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Võ Thanh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Võ Thanh T có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 10/8/2017, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng chị H và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng. Nay chị H yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Võ Thanh T. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy, quá trình chung sống giữa chị H và anh T có xảy ra mâu thuẫn hay không địa phương không nắm được vì chị H, anh T không báo chính quyền. Hiện nay, chị H và anh T đã sống ly thân, anh T sống ở nhà mẹ đẻ tại tổ dân phố B, thị trấn B, huyện K, chị H và anh T có hai con chung là cháu Võ Tuệ N, sinh năm 2017 và Võ Tuấn K, sinh năm 2018. Hiện nay cháu Võ Tuệ N đang sống cùng với anh T và mẹ đẻ anh T, còn cháu Võ Tuấn K ở cùng chị Nguyễn Thị H.

Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Võ Thanh T đã xảy ra mâu thuẫn ở mức độ trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Chị H và anh Võ Thanh T có hai con chung là Võ Tuệ N, sinh ngày 13/6/2017 và Võ Tuấn K, sinh ngày 07/7/2018. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Võ Tuấn K, giao con chung Võ Tuệ N cho anh T nuôi dưỡng, thực tế hiện nay cháu Võ Tuệ N đang ở với anh T, còn cháu Võ Tuấn K đang ở cùng với chị H.

Xét về điều kiện nuôi con, quyền lợi mọi mặt của con cũng như nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Căn cứ vào các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, cần giao con chung Võ Tuấn K cho chị H và giao con chung Võ Tuệ N

cho anh Võ Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên không đề cập giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có tài sản chung nên không đề cập giải quyết.

[3.4] Về nợ: Nguyên đơn xác định không nợ ai khoản nợ nào không đề cập giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Võ Thanh T.

2. Về con chung: Giao con chung Võ Tuấn K, sinh ngày 07/7/2018 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Giao con chung Võ Tuệ N, sinh ngày 13/6/2017 cho anh Võ Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 15633 ngày 23/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Ana.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND TT Buôn Tráp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Nguyễn Đình Tuyên**

